TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL– TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Như**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Tuyết Kha**

2. Ông **Đặng Văn Chiểu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL *tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị D,** sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp PTH, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. Chỗ ở hiện nay: ấp ĐT, xã VBB, huyện VT, tỉnh KG. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Thạch T,** sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp PTH, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện sống chung từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PLvà được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/7/2015. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay do sống chung không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn và không còn tình cảm. Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một người con chung là Thạch Thị Ngọc Nh, sinh ngày 26/4/2016, hiện đang sống với anh T. Chị D yêu cầu giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Thạch T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần Nhng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Thạch Thị Ngọc Nh, sinh ngày 26/4/2016 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị D có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đang cư trú trên địa bàn huyện PL nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PLthụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai Nhng vắng mặt, chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị D và anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị D và T tự nguyện sống chung từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, chị D và anh T đã ly thân từ tháng 4 năm 2023, xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau Nhng chị D và anh T không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần Nhng anh T vẫn không đến, Nh vậy anh T đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị D xác định chị và anh T có một người con chung là cháu Thạch Thị Ngọc Nh, sinh ngày 26/4/2016 hiện con đang sống chung với anh T. Xét thấy khi chị D và anh T ly thân đến nay, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nh. Khi ly hôn, chị D đồng ý giao cháu Nh cho anh T tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS năm 2015, phải lấy ý kiến của con chung 7 tuổi trở lên. Tuy nhiên, cháu Nh hiện tại đang sống với anh T và anh T không hợp tác nên không tiến hành lấy được lời khai của cháu Nh, theo chị D xác định hiện cháu Nh được anh T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và phát triển tốt. Do đó để không làm xáo trộn cuộc sống ổn định hiện tại cháu Nh nên cần tiếp tục giao cháu Thạch Thị Ngọc Nh, sinh ngày 26/4/2016 cho anh Thạch T trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Thị D có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Thị D ly hôn anh Thạch T.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Ngọc Nh, sinh ngày 26/4/2016 cho anh Thạch T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị D đã dự nộp số T tạm ứng án phí là

300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006408 ngày 21/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PLnên được chuyển sang thu án phí.

Anh Thạch T không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Như